

Bản án số: 208/2018/DS-PT

Ngày: 28/11/2018

V/v: “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất;
giá trị quyền sử dụng đất và yêu cầu Hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hà**

Các Thẩm Phán:

Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Tâm** – Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông
Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2016/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2016 về việc “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất; giá trị quyền sử dụng đất và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2018/QĐ-PT ngày 28/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông *Nguyễn Văn S*, sinh năm 1957

1.2 Bà *Nguyễn Thị C*, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn:

2.1 Ông *Nguyễn Văn C*, sinh năm 1964

2.2 Bà *Nguyễn Bích L*, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Bích L: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện N

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3.2 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1933

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai;

3.3 Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1958

3.4 Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà C1:** Luật sư Nguyễn Thị N – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: I8/6, khu phố 6, N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Trương Văn T, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4.2 Bà Phan Thị C2, sinh năm 1925(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4.3 Bà Võ Thị M, sn: 1959 (có)

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự gồm bà C, ông S, bà Đ, chị T, bà C1 ông P có mặt, bà Nguyễn Thị B và Ủy ban nhân dân huyện N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Võ Thị M nhân chứng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2014; đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2016 và các lời trình bày tiếp theo nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Năm 1990 vợ chồng ông, bà mua của bà Nguyễn Thị B 01 phần đất (không rõ diện tích) chỉ biết chung ranh với bà Sáu Dấu. Hướng Bắc giáp đất ông C, Nam giáp ông Thơ, Đông giáp ông Răng, Tây giáp đường công thoát nước KCN Nhơn Trạch. Ranh đất giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông C là mương nước hiện nay không còn. Sau khi mua đất, vợ chồng ông, bà để trống, đến năm 1999 mới

làm thủ tục để xin được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Đến ngày 15/9/1999, hộ ông Nguyễn Văn S được cấp Giấy với diện tích 1.328m² thửa 605, tờ bản đồ số 3, xã Long Thọ. Năm 2005, 2007, 2009 khi bán đất cho một số người, thì ông bà mới phát hiện đất bị thiếu nhưng không thắc mắc gì vì nghĩ chỗ anh, em nên bỏ qua, không đòi. Hiện nay vợ chồng ông, bà chỉ còn lại diện tích đất 312m² thửa 128, tờ bản đồ số 22 xã Long Thọ, ông bà đã được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2011. Đến năm 2014, vợ chồng ông bà làm móng chuẩn bị xây nhà, ông C không đồng ý vì cho rằng ông bà lấn đất của ông, nên khiếu nại ra xã, lúc đó ông, bà mới biết chính xác ông C lấn chiếm của ông, bà con đường đi vào nhà trọ có diện tích là 57m² và 100m² đất ông C đã xây nhà trọ.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu ông C trả lại diện tích đất 57m² và bồi thường tiền giá trị diện tích đất 100m² trị giá 100.000.000 đồng; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 519313 ngày 11/9/2012 cấp cho ông C đối với diện tích đất 57m² cắt thửa 506 tờ bản đồ số 22 xã Long Thọ.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2015 và các lời trình bày tiếp theo, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Bích L, bà L ủy quyền cho ông C trình bày: Diện tích đất 593m² thửa 707, tờ bản đồ số 3 xã Long Thọ vợ chồng ông bà Đ sử dụng có nguồn gốc do ông bà để lại, sau này bà Nguyễn Thị Canh (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã chuyển nhượng lại cho ông, phần còn lại là con đường đi, là đất của bà Nguyễn Thị B cho ông. Đến ngày 08/11/2004, ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giáp ranh đất này là đất của ông S (có nguồn gốc mua lại từ bà Nguyễn Thị B), ranh giới được xác định bằng đường mương, hiện nay không còn. Ranh giới hiện nay thể hiện bằng cây cau, cây dừa. Đất này ông bà sử dụng liên tục từ năm 1975 đến nay, ranh đất không có sự dịch chuyển, việc ông S, bà C cho rằng ông bà lấn chiếm đất là không đúng sự thật. Bà Võ Thị M mẹ ruột của ông Chương cho rằng đất của ông, bà để lại ngang 22 mét chia cho hai vợ chồng bà M 11 mét, vợ chồng ông C, bà L 11 mét là đúng, sở dĩ nay theo đo đạc thực tế thì đất ông bà có chiều ngang 15,21 mét là do sau này bà Nguyễn Thị B có cho ông, bà thêm 04 mét ngang đất.

Trước đây ông, bà được cấp QSD đất đối với diện tích 593m² thửa 707, tờ bản đồ số 3 xã Long Thọ. Sau đó được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/12/2010 thửa 120, tờ bản đồ 22, diện tích 143m²; Ngày 11/9/2012, được cấp GCN QSD đất đối với thửa 506, diện tích 501m². Thửa 120, 506 được tách từ thửa 707 cũ. Năm 1999 ông đã xây 01 căn nhà cấp 4, năm 2011 tiếp tục xây một dãy nhà trọ trên đất nhưng ông S, bà C không có ý kiến gì.

Nay vợ chồng ông S bà C yêu cầu ông bà trả lại đất và tiền giá trị đất như trên ông bà không đồng ý, vì không có lấn chiếm đất.

Tại bản tự khai ngày 29/01/2015 và các lời trình bày tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn P trình bày:

Năm 2005 vợ chồng ông bà mua của vợ chồng ông S, bà C 340m² thửa 823 tờ bản đồ số 03 xã Long Thọ. Khi mua không làm giấy tờ, bỏ trống, không cắm

ranh với đất của ông C. Cũng trong năm 2005, bà C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 03/11/2010 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên thì phát hiện mất 8m². Năm 2013 ông bà cắm ranh đất thì ông C không cho và nói là đất của ông. Nay ông, bà xác định ông C bà L lấn chiếm của ông, bà 02 mét ngang, dài 12 mét với tổng diện tích là 24m². Thời gian trước đây vợ chồng ông bà có yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà Sáng trả đất, nay ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2016 và các lời trình bày tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà là chị họ của ông C. Trước đây bà có một thửa đất không rõ diện tích có tứ cận: Đông giáp ông Răng; Tây giáp đất bà Dẫu; Nam giáp đất ông Thor; Bắc giáp đất ông C. Sau đó bà chuyển nhượng một phần (không rõ diện tích) cho vợ chồng ông S bà C. Khi chuyển nhượng bà không chuyển nhượng hết mà chừa lại cho cha ruột của ông C là ông Chuẩn 04 mét ngang giáp với đất bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, bà C, ranh đất được xác định bằng đường mương, cây mận, cây bồ đề (Hiện nay còn gốc). Sau khi ông Chuẩn chết để lại đất cho ông C trong đó có 04 mét ngang bà cho ông Chuẩn. Sau này ông C đi kê khai cấp sổ phần 04 mét ngang bà không biết, không quan tâm vì đã cho rồi. Bà cho rằng hiện nay ông C đang sử dụng đúng ranh giới đất.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Tại Công văn số: 4431/UBND-TP ngày 11/8/2016 và 5088 ngày 13/9/2016 UBND huyện N trình bày:

Ông Nguyễn Văn C được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 007446 ngày 08/11/2004 diện tích 593m² thuộc thửa 707 (Tách một phần thửa 595) tờ bản đồ số 03 xã Long Thọ. Nguồn gốc đất của ông nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Canh ngày 10/01/2004 (Bà Nguyễn Thị Canh được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 480078 ngày 15/9/1997). Qua kiểm tra hồ sơ, UBND Huyện nhận thấy việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông C là đúng với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Canh với ông C được chứng thực theo quy định pháp luật và thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Thửa đất số 122 tờ bản đồ số 22 (mới) xã Long Thọ, diện tích 586m² được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 818885 ngày 03/12/2010 cho ông Nguyễn Văn C theo hồ sơ đăng ký cấp đổi giấy CNQSDĐ đất theo bản đồ địa chính (mới) xã Long Thọ (Dạng đồng loạt) do Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện. Nguồn gốc cấp đổi từ thửa đất số 707 tờ bản đồ số 03 (cũ) xã Long Thọ. Qua kiểm tra hồ sơ, nhận thấy việc UBND huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 122 tờ bản đồ số 22 (mới) xã Long Thọ cho ông C được thực hiện trên cơ sở bản đồ địa chính đã được nghiệm thu phê duyệt, đưa vào sử dụng, theo đơn đăng ký xin cấp đổi giấy chứng nhận của ông C tự kê khai và đảm bảo đúng trình tự thủ tục quy định.

Theo hồ sơ địa chính, ngày 06/7/2012 ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Bích L lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T diện tích 85m² thuộc thửa 505 (tách một phần thửa 122) tờ bản đồ số 22 xã Long Thọ, theo bản trích lục và đo tách thửa bản đồ địa chính số: 4790/2012 do Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Nhơn Trạch lập ngày 04/7/2012, có kiểm tra đối soát ngoài thực địa. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Khải Nguyên chứng thực ngày 06/7/2012 số 1264, quyền số 01/2012.SCC/HĐGD. Trên cơ sở thẩm tra và kiến nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 11/9/2012 UBND huyện Nhơn Trạch đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho số BK 519329 cho bà Nguyễn Thị Thanh T đối với diện tích đất nêu trên, đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 519313 phần diện tích đất còn lại cho ông Nguyễn Văn C 501m² thuộc thửa 506 (tách một phần thửa 122) tờ bản đồ số 22 xã Long Thọ. Qua kiểm tra hồ sơ nhận thấy việc UBND huyện N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 501m² thửa 506 tờ bản đồ số 22 xã Long Thọ đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Đối với việc Nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 519313 ngày 11/9/2012 của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Bích L đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 64/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tuyên xử:

Áp dụng điều 134, 220, 144, 147, 228, 244, 264, 266, 267 BLTTDS

Áp dụng Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 256 BLDS

Áp dụng khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1. Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất” đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Bích L.

2. Không chấp nhận yêu cầu Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 519313 ngày 11/9/2012 cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Bích L đối với diện tích đất 57m² thửa 506 tờ bản đồ số 22 xã Long Thọ.

Về chi phí đo đạc thẩm định giá: Vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C phải chịu 5.652.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C phải chịu 6.586.750 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.950.000 đồng (Phiếu thu số 003310 ngày 01/12/2014 và số 006218 ngày 12/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch). Vợ chồng ông S bà C còn phải nộp tiếp 2.636.750 đồng án phí DSST.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá, án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/9/2016 bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 06/6/2015 bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thẩm định giá tài sản tranh chấp (BL 50), ngày 05/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có Quyết định Thẩm định giá tài sản số 71/2015/QĐ-TĐG và cũng trong ngày 06/6/2015 Tòa án sơ thẩm có biên bản bàn giao có Quyết định Thẩm định giá tài sản số 71/2015/QĐ-TĐG để đo đạc xem xét tại chỗ ngày 19/6/2015 cho bà Nguyễn Thị C (BL52,53); như vậy, có Quyết định thẩm định giá tài sản số 71/2015 QĐ-TĐG ngày 06/6/2015 được ban hành trước khi có đơn yêu cầu của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; bên cạnh đó thủ tục thẩm định giá đã vi phạm quy định của pháp luật về thẩm định giá vì: Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo các đương sự chọn đơn vị thực hiện thẩm định cũng như thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp. Sau khi có chứng thư thẩm định giá thì tại đơn trình bày ngày 11/7/2016 ông S và bà C có ý kiến không đồng ý với giá thẩm định ngày 27/6/2016 (BL199), do đó việc tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm về thẩm định giá là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại hồ sơ thể hiện, ngày 22/3/2016 nguyên đơn ông S và bà C có đơn khởi kiện bổ sung nội dung “*trước đây chúng tôi yêu cầu khởi kiện 51,3 m² nhưng đo đạc thực tế lớn hơn nên chúng tôi khởi kiện yêu cầu bà L ông C trả lại 51 m² trả thêm 6 m² là trả bằng đất 57 m², yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C 11/9/2012*” và trong ngày 22/3/2016 Tòa án sơ thẩm có biên bản giao nhận đơn khởi kiện bổ sung trên của ông S bà C (BL174,175) tuy nhiên đến ngày 12/9/2016 Tòa án cấp sơ thẩm mới thụ lý bổ sung yêu cầu này (BL175) và cũng trong ngày 12/9/2016 (BL 233) Tòa án sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử mà không tiến hành hòa giải là trái với quy định của pháp luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông S bà C, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên ông S bà C không phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P bà C1:

Đất là do bà B bán cho bà C ông S, bản đồ địa chính năm 1995 là không có con đường đi sát với bên hông nhà ông C. Năm 2004 thì đất ông C tăng thêm, ông

C không chứng minh được đất là của ông, ông C cho rằng bà B cho ông C thêm 4m là đường đi bên hông nhưng không có 4m trên tờ bản đồ địa chính năm 1995. Bản đồ năm 2007 thì đất ông C tăng lên. Do đó ông C không chứng minh được vì sao đất của ông tăng thêm. Do đó thể hiện diện tích đất tranh chấp là của bà C ông S nên đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà C ông S.

Xét ý kiến của luật sư đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa cho rằng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm về cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Thủ tục thẩm định giá của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, việc Tòa án sơ thẩm thụ lý bổ sung là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì thụ lý yêu cầu bổ sung sau phiên họp công khai chứng cứ, diện tích đất của ông C có sự chênh lệch mà Tòa sơ thẩm chưa làm rõ. Vì vậy đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 134, 220, 144, 147, 228, 244, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm sơ thẩm bản án sơ thẩm số 64/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất; giá trị quyền sử dụng đất và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S bà Nguyễn Thị C với bị đơn ông Nguyễn Văn C,

bà Nguyễn Bích L về cho Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ông S bà C không phải chịu án phí DSPT, hoàn trả lại cho ông S bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 006246 ngày 28/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông S bà C đã nộp, chi phí tố tụng mà các đương sự đã nộp sẽ được giải quyết lại khi Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện (02);
- TAND huyện (01);
- THADS huyện, tỉnh (02);
- Đương sự (06);
- Lưu (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hà